



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

ich

du

er

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

sie

es

wir

các bạn

họ

cái gì

ihr

sie

was

ai

ở đâu

tại sao

wer

wo

warum

làm sao

cái nào

lúc nào

wie

welches

wann

sau đó

nếu

thật sự

dann

wenn

wirklich

nhưng

bởi vì

không

aber

weil

nicht

này

đó
vật

tất cả

dieses

das

alle

hoặc

oder

và

und

đây

hier

đó
địa điểm

dort

trái

links

phải

rechts

bây giờ

jetzt

buổi chiều

der
Nachmittag
die Nachmittage

buổi sáng
9:00-11:00

der
Vormittag
die Vormittage

ban đêm

die
Nacht
die Nächte

buổi sáng
6:00-9:00

der
Morgen
die Morgen

buổi tối

der
Abend
die Abende

buổi trưa

der
Mittag
die Mittage

nửa đêm

Mitternacht

giờ

die
Stunde
die Stunden

phút

die
Minute
die Minuten

giây

die
Sekunde
die Sekunden

ngày

der
Tag
die Tage

tuần

die
Woche
die Wochen

tháng

der
Monat
die Monate

năm

das
Jahr
die Jahre

hôm qua

gestern

hôm nay

heute

ngày mai

morgen

thứ hai
ngày

der
Montag
die Montage

thứ ba
ngày

der
Dienstag
die Dienstage

thứ tư
ngày

der
Mittwoch
die Mittwoche

thứ năm

der
Donnerstag
die Donnerstage

thứ sáu

der
Freitag
die Freitage

thứ bảy

der
Samstag
die Samstage

chủ nhật

der
Sonntag
die Sonntage

đàn bà

die
Frau
die Frauen

đàn ông

der
Mann
die Männer

tình yêu

die
Liebe

bạn trai

der
Freund
die Freunde

bạn gái

die
Freundin
die Freundinnen

bạn
danh từ

der
Freund
die Freunde

hôn
danh từ

der
Kuss
die Küsse

tình dục

der
Sex

trẻ em

das
Kind
die Kinder

con gái
đại cương

das
Mädchen
die Mädchen

con trai
đại cương

der
Junge
die Jungen

mẹ

die
Mama
die Mamas

ba

der
Papa
die Papas

má
mẹ

die
Mutter
die Mütter

cha

der
Vater
die Väter

cha mẹ

die
Eltern

con trai
gia đình

der
Sohn
die Söhne

con gái
gia đình

die
Tochter
die Töchter

em gái

die
kleine Schwester
die kleinen Schwestern

em trai

der
kleine Bruder
die kleinen Brüder

chị gái

die
große Schwester
die großen Schwestern

anh trai

der
große Bruder
die großen Brüder

chồng

der
Ehemann
die Ehemänner

vợ

die
Ehefrau
die Ehefrauen

mỗi / mọi

jeder

luôn luôn

immer

thực ra

eigentlich

lần nữa

wieder

đã

schon

ít hơn

weniger

phần lớn

höchst

nhiều hơn

mehr

không có

keine

rất

sehr

ở ngoài

außen

ở trong

innen

xa

fern

gần

nahe

bên dưới

unter

bên trên

über

bên cạnh

neben

phía trước

vorne

phía sau

hinten

mọi người

jeder

cùng nhau

zusammen

khác

sonstiges

mùa xuân

der
Frühling
die Frühlinge

mùa hè

der
Sommer
die Sommer

mùa thu

der
Herbst
die Herbste

mùa đông

der
Winter
die Winter

tháng một

der
Januar

tháng hai

der
Februar

tháng ba

der
März

tháng tư

der
April

tháng năm

der
Mai

tháng sáu

der
Juni

tháng bảy

der
Juli

tháng tám

der
August

tháng chín

der
September

tháng mười

der
Oktober

tháng mười một

der
November

tháng mười hai

der
Dezember

bắc

der
Norden

đông

der
Osten

nam

der
Süden

tây

der
Westen

thường xuyên

oft

ngay lập tức

sofort

đột ngột

plötzlich

mặc dù

obwohl

Số

0

null

1

eins

2

zwei

3

drei

4

vier

5

fünf

6

sechs

7

sieben

8

acht

9

neun

10

zehn

11

elf

12

zwölf

13

dreizehn

14

vierzehn

15

fünfzehn

16

sechzehn

17

siebzehn

18

achtzehn

19

neunzehn

20

zwanzig

21

einundzwanzig

22

zweiundzwanzig

26

sechszwanzig

30

dreiig

31

einunddreiig

33

dreiunddreiig

37

siebenunddreiig

40

vierzig

41

einundvierzig

44

vierundvierzig

48

achtundvierzig

50

fnfzig

51

einundfnfzig

55

fnfundfnfzig

59

neunundfnfzig

60

sechzig

61

einundsechzig

62

zweiundsechzig

66

sechshundsechzig

70

siebzig

71

einundsiebzig

73

dreiundsiebzig

77

siebenundsiebzig

80

achtzig

81

einundachtzig

84

vierundachtzig

88

achtundachtzig

90

neunzig

91

einundneunzig

95

fünfundneunzig

99

neunundneunzig

100

einhundert

101

einhunderteins

105

einhundertfünf

110

einhundertzehn

151

einhunderteinundfünfzig

200

zweihundert

202

zweihundertzwei

206

zweihundertsechs

220

zweihundertzwanzig

262

zweihundertzweiundsechzig

300

dreihundert

303

dreihundertdrei

307

dreihundertsieben

330

dreihundertdreißig

373

dreihundertdreiundsiebzig

400

vierhundert

404

vierhundertvier

408

vierhundertacht

440

vierhundertvierzig

484

vierhundertvierundachtzig

500

fünfhundert

505

fünfhundertfünf

509

fünfhundertneun

550

fünfhundertfünfzig

595

fünfhundertfünfundneunzig

600

sechshundert

601

sechshunderteins

606

sechshundertsechs

616

sechshundertsechzehn

660

sechshundertsechzig

700

siebenhundert

702

siebenhundertzwei

707

siebenhundertsieben

727

siebenhundertsiebenundzwanzig

770

siebenhundertsiebzig

800

achthundert

803

achthundertdrei

808

achthundertacht

838

achthundertachtunddreißig

880

achthundertachtzig

900

neunhundert

904

neunhundertvier

909

neunhundertneun

949

neunhundertneunundvierzig

990

neunhundertneunzig

1000

eintausend

1001

eintausendeins

1012

eintausendzwölf

1234

eintausendzweihundertvierunddreißig

2000

zweitausend

2002

zweitausendzwei

2023

zweitausenddreißig

2345

zweitausenddreihundertfünfundvierzig

3000

dreitausend

3003

dreitausenddrei

4000

viertausend

4045

viertausendfünfundvierzig

5000

fünftausend

5678

fünftausendsechshundertachtundsiebzig

6000

sechstausend

7000

siebttausend

7890

siebttausendachthundertneunzig

8000

achttausend

8901

achttausendneunhunderteins

9000

neuntausend

9090

neuntausendneunzig

10.000

zehntausend

10.001

zehntausendeins

20.020

zwanzigtausendzwanzig

30.300

dreißigtausenddreihundert

44.000

vierundvierzigtausend

100.000

einhunderttausend

500.000

fünfhunderttausend

1.000.000

eine Million

6.000.000

sechs Millionen

10.000.000

zehn Millionen

70.000.000

siebzig Millionen

100.000.000

einhundert Millionen

800.000.000

achthundert Millionen

1.000.000.000

eine Milliarde

9.000.000.000

neun Milliarden

10.000.000.000

zehn Milliarden

20.000.000.000

zwanzig Milliarden

100.000.000.000

einhundert Milliarden

300.000.000.000

dreihundert Milliarden

1.000.000.000.000

eine Billion

Động từ

biết

wissen
wusste, gewusst

nghĩ

denken
dachte, gedacht

đến

kommen
kam, gekommen

đặt

legen
legte, gelegt

lấy

nehmen
nahm, genommen

tìm

finden
fand, gefunden

nghe

zuhören
hörte zu, zugehört

làm việc

arbeiten
arbeitete, gearbeitet

nói chuyện

sprechen
sprach, gesprochen

cho

geben
gab, gegeben

thích

mögen
mochte, gemocht

giúp đỡ

helfen
half, geholfen

yêu

lieben
liebte, geliebt

gọi

telefonieren
telefonierte, telefoniert

chờ đợi

warten
wartete, gewartet

đứng

stehen
stand, gestanden

ngồi

sitzen
saß, gesessen

đóng

schließen
schloss, geschlossen

mở
cửa

öffnen
öffnete, geöffnet

thua

verlieren
verlor, verloren

thắng

gewinnen
gewann, gewonnen

chết

sterben
starb, gestorben

sống
động từ

leben
lebte, gelebt

bật

einschalten
schaltete ein, eingeschaltet

tắt

ausschalten

schaltete aus, ausgeschaltet

giết

töten

tötete, getötet

làm bị thương

verletzen

verletzte, verletzt

chạm

berühren

berührte, berührt

xem

sehen

sah, gesehen

uống

trinken

trank, getrunken

ăn

essen

aß, gegessen

đi bộ

gehen

ging, gegangen

gặp

sich treffen

traf, getroffen

đặt cược

wetten

wettete, gewettet

hôn

động từ

küssen

küsste, geküsst

đi theo

folgen

folgte, gefolgt

cưới

heiraten
heiratete, geheiratet

trả lời

antworten
antwortete, geantwortet

hỏi

fragen
fragte, gefragt

kéo

ziehen
zog, gezogen

đẩy

drücken
drückte, gedrückt

ấn

drücken
drückte, gedrückt

đánh

schlagen
schlug, geschlagen

bắt

fangen
fing, gefangen

chiến đấu

kämpfen
kämpfte, gekämpft

ném

werfen
warf, geworfen

chạy
động từ

laufen
lief, gelaufen

đọc

lesen
las, gelesen

viết

schreiben
schrieb, geschrieben

sửa chữa

reparieren
reparierte, repariert

đếm

zählen
zählte, gezählt

cắt

schneiden
schnitt, geschnitten

bán

verkaufen
verkaufte, verkauft

mua

kaufen
kaufte, gekauft

trả

bezahlen
bezahlte, bezahlt

học

lernen
lernte, gelernt

mơ

träumen
träumte, geträumt

ngủ

schlafen
schief, geschlafen

chơi

spielen
spielte, gespielt

ăn mừng

feiern
feierte, gefeiert

thưởng thức

genießen

genoss, genossen

dọn dẹp

putzen

putzte, geputzt

bắn

schießen

schoß, geschossen

bảo vệ

verteidigen

verteidigte, verteidigt

tấn công

angreifen

griff an, angegriffen

trộm

stehlen

stahl, gestohlen

đốt

brennen

brannte, gebrannt

cứu

retten

rettete, gerettet

bay

fliegen

flog, geflogen

khạc nhổ

spucken

spuckte, gespuckt

đá

động từ

kicken

kickte, gekickt

cắn

beißen

biss, gebissen

thở

atmen
atmete, geatmet

ngửi

riechen
roch, gerochen

khóc

weinen
weinte, geweint

hát

singen
sang, gesungen

cười mỉm

lächeln
lächelte, gelächelt

cười

lachen
lachte, gelacht

lớn lên

wachsen
wuchs, gewachsen

co lại

schrumpfen
schrumpfte, geschrumpft

tranh luận

streiten
stritt, gestritten

chia sẻ

teilen
teilte, geteilt

cho ăn

füttern
fütterte, gefüttert

trốn

verstecken
versteckte, versteckt

cảnh báo

warnen
warnte, gewarnt

bơi

schwimmen
schwamm, geschwommen

nhảy

springen
sprang, gesprungen

nâng

heben
hob, gehoben

đào

graben
grub, gegraben

giao hàng

liefern
lieferte, geliefert

tìm kiếm

suchen
suchte, gesucht

luyện tập

üben
übte, geübt

đi du lịch

reisen
reiste, gereist

vẽ

malen
malte, gemalt

mở
khóa

aufsperrern
sperrte auf, aufgesperrt

khóa

abschließen
schloss ab, abgeschlossen

rửa

waschen
wusch, gewaschen

cầu nguyện

beten
betete, gebetet

nấu ăn

kochen
kochte, gekocht

nôn

sich übergeben
übergab, übergeben

la hét

schreien
schrie, geschrien

trích dẫn

zitieren
zitierte, zitiert

in

drucken
druckte, gedruckt

tính toán

rechnen
rechnete, gerechnet

kiếm tiền

verdienen
verdiente, verdient

Tính từ

mới

cũ

ít

neu

alt

wenige

nhiều

sai

chính xác

viele

falsch

richtig

xấu

tốt

hạnh phúc

schlecht

gut

glücklich

ngắn

dài

nhỏ

kurz

lang

klein

lớn
to

groß

xinh đẹp

schön

trẻ

jung

già

alt

màu trắng

weiß

màu đen

schwarz

màu đỏ

rot

màu xanh da trời

blau

màu xanh lá cây

grün

màu vàng

gelb

chậm

langsam

nhanh

schnell

vui vẻ

lustig

không công bằng

unfair

công bằng

fair

khó

schwer

dễ

einfach

giàu

reich

nghèo

arm

khỏe

stark

yếu

schwach

an toàn

sicher

mệt mỏi

müde

tự hào

stolz

no bụng

satt

bệnh

krank

khỏe mạnh

gesund

tức giận

wütend

thấp
đại cương

tief

cao
đại cương

hoch

ngọt

süß

chua

sauer

mềm

weich

cứng

hart

đáng yêu

süß

ngu ngốc

blöd

điên khùng

verrückt

bận rộn

beschäftigt

cao
người

groß

thấp
người

klein

lo lắng

besorgt

ngạc nhiên

überrascht

cư xử tốt

brav

ác độc

böse

khéo léo

klug

lạnh

kalt

nóng

heiß

màu cam

orange

màu xám

grau

màu nâu

braun

màu hồng

pink

nhàm chán

langweilig

nặng

schwer

nhẹ

leicht

cô đơn

einsam

đói bụng

hungrig

khát nước

durstig

buồn

traurig

dốc

steil

bằng phẳng

flach

hẹp

schmal

rộng

breit

sâu

tief

nông

seicht

lớn
rất

riesig

bẩn

schmutzig

sạch sẽ

sauber

đầy

voll

trống rỗng

leer

đắt

teuer

rẻ

billig

quyến rũ

sexy

lười biếng

faul

dũng cảm

mutig

hào phóng

großzügig

ướt

nass

khô

trocken

ồn ào

laut

yên tĩnh

leise

nắng

sonnig

nhiều mưa

regnerisch

sương mù
tính từ

neblig

nhiều mây

bewölkt

Thể thao

thể dục dụng cụ

Turnen

quần vợt

Tennis

chạy
danh từ

Laufen

đạp xe

Radfahren

đánh golf

Golf

bóng đá

Fußball

bóng rổ

Basketball

bơi lội

Schwimmen

lặn

Tauchen

đi bộ đường dài

Wandern

chạy marathon

Marathon

ba môn phối hợp

Triathlon

bóng bàn

Tischtennis

cử tạ

Gewichtheben

quyền anh

Boxen

cầu lông

Badminton

trượt băng nghệ thuật

Eiskunstlauf

trượt ván tuyết

Snowboarden

trượt tuyết

Skifahren

trượt tuyết băng đồng

Skilanglauf

khúc côn cầu trên băng

Eishockey

bóng chuyền

Volleyball

bóng ném

Handball

bóng chuyền bãi biển

Beachvolleyball

bóng rugby

Rugby

bóng gậy

Cricket

bóng chày

Baseball

bóng bầu dục Mỹ

American Football

bóng nước

Wasserball

nhảy cầu

Wasserspringen

lướt sóng

Surfen

đua thuyền buồm

Segeln

chèo thuyền

Rudern

yoga

Yoga

khiêu vũ

Tanzen

nhảy dù

Fallschirmspringen

cờ vua

Schach

đánh bài poker

Poker

bowling

Bowling

múa ba lê

Ballett

Động vật

con lợn

das
Schwein
die Schweine

con bò

die
Kuh
die Kühe

con ngựa

das
Pferd
die Pferde

con chó

der
Hund
die Hunde

con cừu

das
Schaf
die Schafe

con khỉ

der
Affe
die Affen

con mèo

die
Katze
die Katzen

con gấu

der
Bär
die Bären

con gà

das
Huhn
die Hühner

con vịt

die
Ente
die Enten

con bướm

der
Schmetterling
die Schmetterlinge

con ong

die
Biene
die Bienen

con cá

der
Fisch
die Fische

con nhện

die
Spinne
die Spinnen

con rắn

die
Schlange
die Schlangen

con hổ

der
Tiger
die Tiger

con chuột

die
Maus
die Mäuse

con thỏ

das
Kaninchen
die Kaninchen

con sư tử

der
Löwe
die Löwen

con lừa

der
Esel
die Esel

con voi

der
Elefant
die Elefanten

con chim bồ câu

die
Taube
die Tauben

con bọ

der
Käfer
die Käfer

con muỗi

die
Stechmücke
die Stechmücken

con ruồi

die
Fliege
die Fliegen

con kiến

die
Ameise
die Ameisen

con cá voi

der
Wal
die Wale

con cá mập

der
Hai
die Haie

con cá heo

der
Delfin
die Delfine

con ốc sên

die
Schnecke
die Schnecken

con ếch

der
Frosch
die Frösche

con gấu trúc

der
Panda
die Pandabären

con gấu Bắc cực

der
Eisbär
die Eisbären

con chó sói

der
Wolf
die Wölfe

con gấu túi

der
Koala
die Koalas

con chuột túi

das
Känguru
die Kängurus

con hươu cao cổ

die
Giraffe
die Giraffen

con cáo

der
Fuchs
die Füchse

con hà mã

das
Nilpferd
die Nilpferde

con dơi

die
Fledermaus
die Fledermäuse

con quạ

der
Rabe
die Raben

con thiên nga

der
Schwan
die Schwäne

con chim hải âu

die
Möwe
die Möwen

con cú

die
Eule
die Eulen

con chim cánh cụt

der
Pinguin
die Pinguine

con vẹt

der
Papagei
die Papageien

con sâu bướm

die
Raupe
die Raupen

con chuồn chuồn

die
Libelle
die Libellen

con mực ống

der
Tintenfisch
die Tintenfische

con bạch tuộc

die
Krake
die Kraken

con cá ngựa

das
Seepferdchen
die Seepferdchen

con hải cẩu

der
Seehund
die Seehunde

con sứa

die
Qualle
die Quallen

con cua

die
Krabbe
die Krabben

con khủng long

der
Dinosaurier
die Dinosaurier

con rùa cạn

die
Schildkröte
die Schildkröten

con cá sấu

das
Krokodil
die Krokodile

Quốc gia

Châu Âu

Europa

Châu Á

Asien

Châu Mỹ

Amerika

Châu Phi

Afrika

Vương quốc Anh

Großbritannien

Tây Ban Nha

Spanien

Thụy sĩ

Schweiz

Ý

Italien

Pháp

Frankreich

Đức

Deutschland

Thái Lan

Thailand

Singapore

Singapur

Nga

Russland

Nhật Bản

Japan

Israel

Israel

Ấn Độ

Indien

Trung Quốc

China

Hoa Kỳ

Vereinigte Staaten von
Amerika

Mexico

Mexiko

Canada

Kanada

Chile

Chile

Brazil

Brasilien

Argentina

Argentinien

Nam Phi

Südafrika

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Nigeria

Marokko

Libyen

Kenya

Algeria

Ai Cập

Kenia

Algerien

Ägypten

New Zealand

Úc

Neuseeland

Australien

Cơ thể

đầu

der
Kopf
die Köpfe

mũi

die
Nase
die Nasen

tóc

das
Haar
die Haare

miệng

der
Mund
die Mündler

tai

das
Ohr
die Ohren

mắt

das
Auge
die Augen

bàn tay

die
Hand
die Hände

bàn chân

der
Fuß
die Füße

tim

das
Herz
die Herzen

não

das
Gehirn
die Gehirne

cổ

der
Hals
die Hälse

mông

das
Gesäß
die Gesäße

vai

die
Schulter
die Schultern

đầu gối

das
Knie
die Knie

chân

das
Bein
die Beine

tay

der
Arm
die Arme

bụng

der
Bauch
die Bäuche

ngực

der
Busen
die Busen

lưng

der
Rücken
die Rücken

răng

der
Zahn
die Zähne

lưỡi

die
Zunge
die Zungen

môi

die
Lippe
die Lippen

ngón tay

der
Finger
die Finger

ngón chân

die
Zehe
die Zehen

dạ dày

der
Magen
die Mägen

phổi

die
Lunge
die Lungen

gan

die
Leber
die Lebern

dây thần kinh

der
Nerv
die Nerven

thận

die
Niere
die Nieren

ruột

der
Darm
die Därme

trán

die
Stirn
die Stirnen

cằm

das
Kinn
die Kinne

má
cơ thể

die
Wange
die Wangen

râu

der
Bart
die Bärte

ngón cái

der
Daumen
die Daumen

ngón tay út

der
kleine Finger
die kleinen Finger

ngón tay đeo nhẫn

der
Ringfinger
die Ringfinger

ngón tay giữa

der
Mittelfinger
die Mittelfinger

ngón tay trỏ

der
Zeigefinger
die Zeigefinger

móng tay

der
Fingernagel
die Fingernägel

gót chân

die
Ferse
die Fersen

xương sống

die
Wirbelsäule
die Wirbelsäulen

cơ bắp

der
Muskel
die Muskeln

xương
cơ thể

der
Knochen
die Knochen

bộ xương

das
Skelett
die Skelette

xương sườn

die
Rippe
die Rippen

đốt sống

der
Wirbel
die Wirbel

bàng quang

die
Blase
die Blasen

tĩnh mạch

die
Vene
die Venen

động mạch

die
Arterie
die Arterien

âm đạo

die
Vagina
die Vaginen

tinh trùng

das
Sperma

dương vật

der
Penis
die Penisse

tinh hoàn

der
Hoden
die Hoden

Ngôi nhà

cửa

die
Tür
die Türen

nhà bếp

die
Küche
die Küchen

phòng tắm

das
Badezimmer
die Badezimmer

phòng khách

das
Wohnzimmer
die Wohnzimmer

phòng ngủ

das
Schlafzimmer
die Schlafzimmer

vườn

der
Garten
die Gärten

gara

die
Garage
die Garagen

tường

die
Wand
die Wände

tầng hầm

der
Keller
die Keller

nhà vệ sinh
nhà ở

das
Klo
die Klos

cầu thang

die
Treppe
die Treppen

mái nhà

das
Dach
die Dächer

cửa sổ
tòa nhà

das
Fenster
die Fenster

dao

das
Messer
die Messer

tách

die
Tasse
die Tassen

ly

das
Glas
die Gläser

đĩa

der
Teller
die Teller

cốc

der
Becher
die Becher

thùng rác

der
Mistkübel
die Mistkübel

tô

die
Schüssel
die Schüsseln

bàn
văn phòng

der
Schreibtisch
die Schreibtische

giường

das
Bett
die Betten

gương

der
Spiegel
die Spiegel

vòi hoa sen

die
Dusche
die Duschen

ghế sofa

das
Sofa
die Sofas

ảnh

das
Bild
die Bilder

đồng hồ

die
Uhr
die Uhren

bàn
nhà

der
Tisch
die Tische

ghế
nhà

der
Sessel
die Sessel

hàng xóm

der
Nachbar
die Nachbarn

thang máy

der
Aufzug
die Aufzüge

ban công

der
Balkon
die Balkone

gác xép

der
Dachboden
die Dachböden

ống khói

der
Schornstein
die Schornsteine

muỗng gỗ

der
Kochlöffel
die Kochlöffel

đũa

das
Esstäbchen
die Esstäbchen

bộ dao nĩa

das
Besteck
die Bestecke

muỗng

der
Löffel
die Löffel

nĩa

die
Gabel
die Gabeln

cái vá

der
Schöpflöffel
die Schöpflöffel

nồi

der
Kochtopf
die Kochtöpfe

chảo

die
Pfanne
die Pfannen

bóng đèn

die
Glühbirne
die Glühbirnen

giá sách

das
Bücherregal
die Bücherregale

rèm

der
Vorhang
die Vorhänge

nệm

die
Matratze
die Matratzen

gối

das
Kissen
die Kissen

chăn

die
Decke
die Decken

kệ

das
Regal
die Regale

ngăn kéo

die
Schublade
die Schubladen

tủ quần áo

der
Kleiderschrank
die Kleiderschränke

xô

der
Eimer
die Eimer

chổi

der
Besen
die Besen

cái cân

die
Waage
die Waagen

giỏ đựng đồ giặt

der
Wäschekorb
die Wäschekörbe

bồn tắm

die
Badewanne
die Badewannen

khăn tắm
to lớn

das
Badetuch
die Badetücher

xà phòng

die
Seife
die Seifen

giấy vệ sinh

das
Klopapier
die Klopapiere

khăn tắm
nhỏ bé

das
Handtuch
die Handtücher

bồn rửa mặt

das
Waschbecken
die Waschbecken

cái thang

die
Leiter
die Leitern

hộp thư

der
Briefkasten
die Briefkästen

hàng rào

der
Zaun
die Zäune

Thức ăn

trứng

das
Ei
die Eier

phô mai

der
Käse
die Käse

sữa

die
Milch

cá

der
Fisch
die Fische

thịt

das
Fleisch

xương
món ăn

der
Knochen
die Knochen

dầu

das
Öl
die Öle

bánh mì

das
Brot
die Brote

đường
món ăn

der
Zucker
die Zucker

sô cô la

die
Schokolade
die Schokoladen

kẹo

das
Bonbon
die Bonbons

bánh bông lan

der
Kuchen
die Kuchen

nước

das
Wasser

cà phê

der
Kaffee
die Kaffee

trà

der
Tee
die Tees

bia

das
Bier
die Biere

rượu nho

der
Wein
die Weine

sa lát

der
Salat
die Salate

súp

die
Suppe
die Suppen

món tráng miệng

der
Nachtsich
die Nachtsiche

bữa ăn sáng

das
Frühstück
die Frühstücke

bữa trưa

das
Mittagessen
die Mittagessen

bữa tối

das
Abendessen
die Abendessen

pizza

die
Pizza
die Pizzas

kem

die
Eiscreme
die Eiscremes

bơ

die
Butter

sữa chua

das
Joghurt
die Joghurts

cá ngừ

der
Thunfisch
die Thunfische

cá hồi

der
Lachs
die Lachse

giăm bông

der
Schinken
die Schinken

thịt ba rọi

der
Speck

xúc xích

die
Wurst
die Würste

thịt gà tây

das
Putenfleisch

thịt gà

das
Hühnerfleisch

thịt bò

das
Rindfleisch

thịt heo

das
Schweinefleisch

thịt cừu

das
Lammfleisch

bí ngô

der
Kürbis
die Kürbisse

nấm

der
Pilz
die Pilze

nấm cộc

die
Trüffel
die Trüffeln

tỏi

der
Knoblauch

tỏi tây

der
Lauch

gừng

der
Ingwer
die Ingwer

cà tím

die
Aubergine
die Auberginen

khoai lang

die
Süßkartoffel
die Süßkartoffeln

cà rốt

die
Karotte
die Karotten

dưa chuột

die
Gurke
die Gurken

ớt

der
Chili
die Chilis

ớt chuông

der
Paprika
die Paprika

củ hành

die
Zwiebel
die Zwiebeln

khoai tây

die
Kartoffel
die Kartoffeln

bông cải trắng

der
Blumenkohl

bắp cải

der
Kohl

bông cải xanh

der
Brokkoli
die Brokkoli

xà lách

der
Salat
die Salate

rau chân vịt

der
Spinat

tre

der
Bambus

ngô

der
Mais

cần tây

der
Sellerie
die Sellerie

đậu Hà Lan

die
Erbse
die Erbsen

hạt đậu

die
Bohne
die Bohnen

quả lê

die
Birne
die Birnen

quả táo

der
Apfel
die Äpfel

quả ô liu

die
Olive
die Oliven

quả sung

die
Feige
die Feigen

quả chà là

die
Dattel
die Datteln

quả dừa

die
Kokosnuss
die Kokosnüsse

quả hạnh nhân

die
Mandel
die Mandeln

hạt phỉ

die
Haselnuss
die Haselnüsse

đậu phộng

die
Erdnuss
die Erdnüsse

quả chuối

die
Banane
die Bananen

quả xoài

die
Mango
die Mangos

quả kiwi

die
Kiwi
die Kiwis

quả bơ

die
Avocado
die Avocados

quả dứa

die
Ananas
die Ananas

dưa hấu

die
Wassermelone
die Wassermelonen

quả nho

die
Weintraube
die Weintrauben

dưa gang

die
Zuckermelone
die Zuckermelonen

quả mâm xôi

die
Himbeere
die Himbeeren

quả việt quất

die
Heidelbeere
die Heidelbeeren

quả dâu tây

die
Erdbeere
die Erdbeeren

quả anh đào

die
Kirsche
die Kirschen

quả mận

die
Pflaume
die Pflaumen

quả mơ

die
Aprikose
die Aprikosen

quả đào

der
Pfirsich
die Pfirsiche

quả chanh

die
Zitrone
die Zitronen

quả bưởi

die
Grapefruit
die Grapefruits

quả cam

die
Orange
die Orangen

cà chua

die
Tomate
die Tomaten

bạc hà

die
Minze

sả

das
Zitronengras

quế

der
Zimt

vani

die
Vanille

muối

das
Salz
die Salze

tiêu

der
Pfeffer
die Pfeffer

cà ri

der
Curry

thuốc lá
thực vật

der
Tabak

đậu hũ

der
Tofu

giấm

der
Essig

mì sợi

die
Nudel
die Nudeln

sữa đậu nành

die
Sojamilch

bột mì

das
Mehl

gạo

der
Reis

yến mạch

der
Hafer

lúa mì

der
Weizen

đậu nành

das
Soja

hạt

die
Nuss
die Nüsse

mật ong

der
Honig

mút

die
Marmelade
die Marmeladen

kẹo cao su

der
Kaugummi
die Kaugummis

bánh kếp

der
Pfannkuchen
die Pfannkuchen

bánh quy

der
Keks
die Kekse

bánh pudding

der
Pudding
die Puddings

bánh muffin

der
Muffin
die Muffins

bánh rán vòng

der
Donut
die Donuts

nước tăng lực

der
Energy Drink
die Energy Drinks

nước cam

der
Orangensaft
die Orangensäfte

nước táo

der
Apfelsaft
die Apfelsäfte

sữa lắc

der
Milkshake
die Milkshakes

coca cola

das
Cola
die Colas

sô cô la nóng

die
heiße Schokolade
die heißen Schokoladen

rượu cocktail

der
Cocktail
die Cocktails

rượu rum

der
Rum
die Rums

rượu whisky

der
Whiskey
die Whiskeys

rượu vodka

der
Wodka
die Wodkas

thực đơn

die
Speisekarte
die Speisekarten

hải sản

die
Meeresfrüchte

mì Ý

die
Spaghetti

sushi

das
Sushi
die Sushis

bắp rang bơ

das
Popcorn

khoai tây lát mỏng

die
Chips

cánh gà

die
Chicken Wings

khoai tây chiên

die
Pommes frites

mù tạt

der
Senf
die Senfe

sốt mayonnaise

die
Mayonnaise
die Mayonnaisen

nước sốt cà chua

das
Ketchup
die Ketchups

bánh mì kẹp

das
Sandwich
die Sandwiches

bánh mì kẹp xúc xích

der
Hotdog
die Hotdogs

bánh burger

der
Burger
die Burger

Trường học

sách

das
Buch
die Bücher

thư viện

die
Bücherei
die Büchereien

bài tập về nhà

die
Hausaufgabe
die Hausaufgaben

bài thi

die
Prüfung
die Prüfungen

bài học

die
Schulstunde
die Schulstunden

khoa học

die
Wissenschaft

lịch sử

die
Geschichte

nghệ thuật

die
Kunst

cây bút

der
Stift
die Stifte

bút chì

der
Bleistift
die Bleistifte

thứ nhất

der
Erste
die Ersten

thứ hai
2

der
Zweite
die Zweiten

thứ ba
3

der
Dritte
die Dritten

thứ tư
4

der
Vierte
die Vierten

ngiên cứu

die
Forschung
die Forschungen

bằng cấp

der
akademische Grad
die akademischen Grade

sân thể thao

der
Sportplatz
die Sportplätze

từ điển

das
Wörterbuch
die Wörterbücher

học kì

das
Semester
die Semester

sổ tay

das
Heft
die Hefte

hình học

die
Geometrie

chính trị học

die
politische Bildung

triết học

die
Philosophie

kinh tế học

die
Wirtschaftskunde

giáo dục thể chất

der
Sportunterricht

sinh học

die
Biologie

toán học

die
Mathematik

địa lý

die
Erdkunde

văn học

die
Literatur

hóa học

die
Chemie

vật lý

die
Physik

cái thước

das
Lineal
die Lineale

cục tẩy

der
Radiergummi
die Radiergummis

cái kéo

die
Schere
die Scheren

băng dính

das
Klebeband
die Klebebänder

keo dán

der
Klebstoff
die Klebstoffe

bút bi

der
Kugelschreiber
die Kugelschreiber

kẹp giấy

die
Büroklammer
die Büroklammern

3%

drei Prozent

100%

hundert Prozent

0%

null Prozent

mét khối

der
Kubikmeter
die Kubikmeter

mét vuông

der
Quadratmeter
die Quadratmeter

dặm

die
Meile
die Meilen

mét

der
Meter
die Meter

mi-li-mét

der
Millimeter
die Millimeter

xen-ti-mét

der
Zentimeter
die Zentimeter

đề-xi-mét

der
Dezimeter
die Dezimeter

phép cộng

die
Addition
die Additionen

phép trừ

die
Subtraktion
die Subtraktionen

phép nhân

die
Multiplikation
die Multiplikationen

phép chia

die
Division
die Divisionen

diện tích

die
Fläche
die Flächen

thể tích

das
Volumen
die Volumina

hình chữ nhật

das
Rechteck
die Rechtecke

hình vuông

das
Quadrat
die Quadrate

tam giác

das
Dreieck
die Dreiecke

hình tròn

der
Kreis
die Kreise

lít

der
Liter
die Liter

mililít

der
Milliliter
die Milliliter

tấn

die
Tonne
die Tonnen

kilôgam

das
Kilo
die Kilo

gram

das
Gramm
die Gramm

nam châm

der
Magnet
die Magneten

kính hiển vi

das
Mikroskop
die Mikroskope

cái phễu

der
Trichter
die Trichter

phòng thí nghiệm

das
Labor
die Labore

bài giảng

die
Vorlesung
die Vorlesungen

Thiên nhiên

tro

die
Asche
die Aschen

lửa

das
Feuer
die Feuer

kim cương

der
Diamant
die Diamanten

mặt trăng

der
Mond
die Monde

mặt trời

die
Sonne
die Sonnen

ngôi sao

der
Stern
die Sterne

hành tinh

der
Planet
die Planeten

bờ biển
biển

die
Küste
die Küsten

hồ

der
See
die Seen

rừng

der
Wald
die Wälder

sa mạc

die
Wüste
die Wüsten

đồi núi

der
Hügel
die Hügel

đá
danh từ

der
Fels
die Felsen

con sông

der
Fluss
die Flüsse

thung lũng

das
Tal
die Täler

núi

der
Berg
die Berge

đảo

die
Insel
die Inseln

đại dương

der
Ozean
die Ozeane

biển

das
Meer
die Meere

băng

das
Eis

tuyết

der
Schnee

bão táp

der
Sturm
die Stürme

mưa

der
Regen

gió

der
Wind
die Winde

cây

der
Baum
die Bäume

cỏ

das
Gras
die Gräser

hoa hồng

die
Rose
die Rosen

hoa

die
Blume
die Blumen

kim loại

das
Metall
die Metalle

đất

der
Boden
die Böden

dung nham

die
Lava
die Laven

than

die
Kohle
die Kohlen

cát

der
Sand

đất sét

der
Ton
die Tone

tên lửa

die
Rakete
die Raketen

vệ tinh

der
Satellit
die Satelliten

thiên hà

die
Galaxie
die Galaxien

tiểu hành tinh

der
Asteroid
die Asteroiden

lục địa

der
Kontinent
die Kontinente

đường Xích đạo

der
Äquator
die Äquatoren

Nam cực

der
Südpol
die Südpole

Bắc cực

der
Nordpol
die Nordpole

suối

der
Bach
die Bäche

rừng nhiệt đới

der
Regenwald
die Regenwälder

hang

die
Höhle
die Höhlen

thác nước

der
Wasserfall
die Wasserfälle

bờ biển
con sông

das
Ufer
die Ufer

sông băng

der
Gletscher
die Gletscher

động đất

das
Erdbeben
die Erdbeben

miệng núi lửa

der
Krater
die Krater

núi lửa

der
Vulkan
die Vulkane

khí quyển

die
Atmosphäre
die Atmosphären

lũ lụt

die
Flut
die Fluten

sương mù
danh từ

der
Nebel
die Nebel

cầu vồng

der
Regenbogen
die Regenbogen

tiếng sấm

der
Donner
die Donner

tia chớp

der
Blitz
die Blitze

cơn dông

das
Gewitter
die Gewitter

nhiệt độ

die
Temperatur
die Temperaturen

bão nhiệt đới

der
Taifun
die Taifune

bão

der
Wirbelsturm
die Wirbelstürme

mây

die
Wolke
die Wolken

cành cây

der
Ast
die Äste

lá cây

das
Blatt
die Blätter

rễ cây

die
Wurzel
die Wurzeln

thân cây

der
Baumstamm
die Baumstämme

hạt giống

der
Samen
die Samen

nhựa

der
Kunststoff
die Kunststoffe

cacbon điôxít

das
Kohlendioxid

nguyên tử

das
Atom
die Atome

sắt

das
Eisen

ôxy

der
Sauerstoff

vàng

das
Gold

bạc

das
Silber

Giao thông

xe hơi

das
Auto
die Autos

xe buýt

der
Bus
die Busse

xe lửa

der
Zug
die Züge

ga xe lửa

der
Bahnhof
die Bahnhöfe

trạm dừng xe buýt

die
Bushaltestelle
die Bushaltestellen

máy bay

das
Flugzeug
die Flugzeuge

tàu

das
Schiff
die Schiffe

xe tải

der
Lastwagen
die Lastwagen

xe đạp

das
Fahrrad
die Fahrräder

xe mô tô

das
Motorrad
die Motorräder

xe taxi

das
Taxi
die Taxis

đèn giao thông

die
Ampel
die Ampeln

bãi đậu xe

der
Parkplatz
die Parkplätze

đường
xe hơi

die
Straße
die Straßen

ắc quy

die
Batterie
die Batterien

động cơ
xe hơi

der
Motor
die Motoren

túi khí

der
Airbag
die Airbags

vô-lăng

das
Lenkrad
die Lenkräder

dây an toàn

der
Sicherheitsgurt
die Sicherheitsgurte

lốp xe

der
Reifen
die Reifen

cốp sau

der
Kofferraum
die Kofferräume

máy bán vé

der
Fahrscheinautomat
die Fahrscheinautomaten

phòng bán vé

der
Fahrkartenschalter
die Fahrkartenschalter

tàu điện ngầm

die
U-Bahn
die U-Bahnen

tàu cao tốc

der
Hochgeschwindigkeitszug
die Hochgeschwindigkeitszüge

đầu máy

die
Lokomotive
die Lokomotiven

xe điện

die
Straßenbahn
die Straßenbahnen

xe buýt trường học

der
Schulbus
die Schulbusse

xe buýt nhỏ

der
Kleinbus
die Kleinbusse

sân bay

der
Flughafen
die Flughäfen

hãng hàng không

die
Fluggesellschaft
die Fluggesellschaften

máy bay trực thăng

der
Hubschrauber
die Hubschrauber

hạng nhất

die
First-Class

hạng phổ thông

die
Economy-Class

hạng thương gia

die
Business-Class

áo phao

die
Schwimmweste
die Schwimmwesten

công ten nơ

der
Container
die Container

tàu ngầm

das
U-Boot
die U-Boote

tàu du lịch

das
Kreuzfahrtschiff
die Kreuzfahrtschiffe

tàu chở hàng

das
Containerschiff
die Containerschiffe

du thuyền

die
Jacht
die Jachten

phà

die
Fähre
die Fähren

hải cảng

der
Hafen
die Häfen

xuồng cứu sinh

das
Rettungsboot
die Rettungsboote

ra đa

das
Radar
die Radare

đèn đường

die
Straßenlaterne
die Straßenlaternen

vĩa hè

der
Gehsteig
die Gehsteige

trạm xăng

die
Tankstelle
die Tankstellen

công trường

die
Baustelle
die Baustellen

vạch qua đường

der
Zebrastreifen
die Zebrastreifen

tắc đường

der
Stau
die Staus

đường cao tốc

die
Autobahn
die Autobahnen

xe tăng

der
Panzer
die Panzer

máy xúc

der
Bagger
die Bagger

máy kéo

der
Traktor
die Traktoren

rơ-moóc

der
Anhänger
die Anhänger

xe tay ga

der
Motorroller
die Motorroller

xe cáp treo

die
Seilbahn
die Seilbahnen

Thành phố

bệnh viện

das
Krankenhaus
die Krankenhäuser

trường học

die
Schule
die Schulen

nhà ở

das
Haus
die Häuser

hóa đơn

die
Rechnung
die Rechnungen

chợ

der
Markt
die Märkte

siêu thị

der
Supermarkt
die Supermärkte

căn hộ

die
Wohnung
die Wohnungen

trường đại học

die
Universität
die Universitäten

nông trại

der
Bauernhof
die Bauernhöfe

nhà thờ

die
Kirche
die Kirchen

nhà hàng

das
Restaurant
die Restaurants

quán bar

die
Bar
die Bars

phòng thể dục

das
Fitnessstudio
die Fitnessstudios

công viên

der
Park
die Parks

nhà vệ sinh
đại cương

das
WC
die WCs

bản đồ

die
Karte
die Karten

xe cứu thương

die
Rettung
die Rettungen

cảnh sát
đại cương

die
Polizei

lính cứu hỏa
đại cương

die
Feuerwehr
die Feuerwehren

quốc gia

das
Land
die Länder

ngoại ô

der
Vorort
die Vororte

ngôi làng

das
Dorf
die Dörfer

bảo hành

die
Garantie
die Garantien

trung tâm mua sắm

das
Einkaufszentrum
die Einkaufszentren

tiệm thuốc

die
Apotheke
die Apotheken

tòa nhà chọc trời

das
Hochhaus
die Hochhäuser

lâu đài

das
Schloss
die Schlösser

đại sứ quán

die
Botschaft
die Botschaften

giáo đường Do Thái

die
Synagoge
die Synagogen

ngôi đền

der
Tempel
die Tempel

nhà máy

die
Fabrik
die Fabriken

nhà thờ Hồi giáo

die
Moschee
die Moscheen

tòa thị chính

das
Rathaus
die Rathäuser

bưu điện

das
Postamt
die Postämter

đài phun nước

der
Springbrunnen
die Springbrunnen

câu lạc bộ đêm

der
Nachtclub
die Nachtclubs

băng ghế

die
Bank
die Bänke

sân golf

der
Golfplatz
die Golfplätze

sân bóng đá

das
Fußballstadion
die Fußballstadien

hồ bơi
tòa nhà

die
Schwimmhalle
die Schwimmhallen

sân quần vợt

der
Tennisplatz
die Tennisplätze

thông tin du lịch

die
Touristeninformation
die Touristeninformationen

sòng bạc

das
Kasino
die Kasinos

phòng triển lãm nghệ thuật

die
Kunstgalerie
die Kunstgalerien

bảo tàng

das
Museum
die Museen

công viên quốc gia

der
Nationalpark
die Nationalparks

quà lưu niệm

das
Souvenir
die Souvenirs

thủy cung

das
Aquarium
die Aquarien

trượt nước

die
Wasserrutsche
die Wasserrutschen

tàu lượn siêu tốc

die
Achterbahn
die Achterbahnen

công viên nước

der
Wasserpark
die Wasserparks

vườn bách thú

der
Zoo
die Zoos

sân chơi

der
Spielplatz
die Spielplätze

cửa thoát hiểm
tòa nhà

der
Notausgang
die Notausgänge

chuông báo cháy

der
Feueralarm
die Feueralarme

bình cứu hỏa

der
Feuerlöscher
die Feuerlöscher

đồn cảnh sát

die
Polizeiwache
die Polizeiwachen

tiểu bang

der
Staat
die Staaten

khu vực

die
Region
die Regionen

thủ đô

die
Hauptstadt
die Hauptstädte

Bệnh viện

tai nạn

der
Unfall
die Unfälle

bệnh nhân

der
Patient
die Patienten

phẫu thuật

die
Operation
die Operationen

viên thuốc

die
Tablette
die Tabletten

sốt

das
Fieber
die Fieber

ho

der
Husten

phòng cấp cứu

die
Notaufnahme
die Notaufnahmen

khoa hồi sức tích cực

die
Intensivstation
die Intensivstationen

phòng chờ

das
Wartezimmer
die Wartezimmer

thuốc aspirin

das
Aspirin

thuốc ngủ

die
Schlaf-tablette
die Schlaf-tabletten

ngày hết hạn

das
Ablaufdatum
die Ablaufdaten

liều lượng

die
Dosierung
die Dosierungen

si-rô ho

der
Hustensaft
die Hustensäfte

tác dụng phụ

die
Nebenwirkung
die Nebenwirkungen

insulin

das
Insulin

bột

das
Pulver
die Pulver

viên nhộng

die
Kapsel
die Kapseln

vitamin

das
Vitamin
die Vitamine

thuốc giảm đau

das
Schmerzmittel
die Schmerzmittel

kháng sinh

das
Antibiotikum
die Antibiotika

vi khuẩn

das
Bakterium
die Bakterien

vi rút

das
Virus
die Viren

đau tim

der
Herzinfarkt
die Herzinfarkte

tiêu chảy

der
Durchfall
die Durchfälle

tiểu đường

der
Diabetes

đột quỵ

der
Schlaganfall
die Schlaganfälle

hen suyễn

das
Asthma

ung thư

der
Krebs

cúm

die
Grippe
die Grippe

đau răng

das
Zahnweh

cháy nắng

der
Sonnenbrand
die Sonnenbrände

viêm họng

das
Halsweh

đau bụng

das
Bauchweh

nhiễm trùng

die
Infektion
die Infektionen

dị ứng

die
Allergie
die Allergien

chuột rút

der
Krampf
die Krämpfe

đau đầu

das
Kopfweh

ống tiêm

die
Spritze
die Spritzen

nạng

die
Krücke
die Krücken

chụp X quang

die
Röntgenaufnahme
die Röntgenaufnahmen

máy siêu âm

das
Ultraschallgerät
die Ultraschallgeräte

bó bột
nhỏ bé

das
Pflaster
die Pflaster

xe lăn

der
Rollstuhl
die Rollstühle

bó bột
gãy xương

der
Gips
die Gipse

mạch

der
Puls
die Pulse

chấn thương

die
Verletzung
die Verletzungen

cấp cứu

der
Notfall
die Notfälle

chấn động

die
Gehirnerschütterung
die Gehirnerschütterungen

vết bỏng

die
Verbrennung
die Verbrennungen

gãy xương

der
Bruch
die Brüche

thuốc tránh thai

die
Antibabypille
die Antibabypillen

thử thai

der
Schwangerschaftstest
die Schwangerschaftstests

Nghề nghiệp

bác sĩ

der
Arzt
die Ärzte

y tá

die
Krankenschwester
die Krankenschwestern

cảnh sát
người

der
Polizist
die Polizisten

tổng thống

der
Staatspräsident
die Staatspräsidenten

thuyền trưởng

der
Kapitän
die Kapitäne

thám tử

der
Detektiv
die Detektive

phi công

der
Pilot
die Piloten

giáo sư

der
Professor
die Professoren

giáo viên

der
Lehrer
die Lehrer

luật sư

der
Anwalt
die Anwälte

thư ký

die
Sekretärin
die Sekretärinnen

trợ lý

der
Assistent
die Assistenten

thẩm phán

der
Richter
die Richter

quản lý

der
Manager
die Manager

đầu bếp

der
Koch
die Köche

tài xế taxi

der
Taxifahrer
die Taxifahrer

tài xế xe buýt

der
Busfahrer
die Busfahrer

người mẫu

das
Model
die Models

nghệ sĩ

der
Künstler
die Künstler

thủ tướng

der
Ministerpräsident
die Ministerpräsidenten

dược sĩ

der
Apotheker
die Apotheker

lính cứu hỏa
người

der
Feuerwehrmann
die Feuerwehrmänner

nha sĩ

der
Zahnarzt
die Zahnärzte

doanh nhân

der
Unternehmer
die Unternehmer

chính trị gia

der
Politiker
die Politiker

lập trình viên

der
Programmierer
die Programmierer

tiếp viên hàng không

die
Stewardess
die Stewardessen

nhà khoa học

der
Wissenschaftler
die Wissenschaftler

giáo viên mầm non

die
Kindergärtnerin
die Kindergärtnerinnen

kiến trúc sư

der
Architekt
die Architekten

kế toán viên

der
Buchhalter
die Buchhalter

tư vấn viên

der
Berater
die Berater

công tố viên

der
Staatsanwalt
die Staatsanwälte

tổng quản lý

der
Geschäftsführer
die Geschäftsführer

vệ sĩ

der
Bodyguard
die Bodyguards

chủ nhà

der
Vermieter
die Vermieter

bồi bàn

der
Kellner
die Kellner

nhân viên bảo vệ

der
Wachmann
die Wachmänner

bộ đội

der
Soldat
die Soldaten

ngư dân

der
Fischer
die Fischer

nhân viên vệ sinh

die
Reinigungskraft
die Reinigungskräfte

thợ sửa ống nước

der
Klempner
die Klempner

thợ điện

der
Elektriker
die Elektriker

nông dân

der
Bauer
die Bauern

lễ tân

der
Empfangsmitarbeiter
die Empfangsmitarbeiter

người đưa thư

der
Briefträger
die Briefträger

thu ngân

der
Kassierer
die Kassierer

thợ làm tóc

der
Friseur
die Friseure

tác giả

der
Autor
die Autoren

nhà báo

der
Journalist
die Journalisten

nhiếp ảnh gia

der
Fotograf
die Fotografen

nhân viên cứu hộ

der
Rettungsschwimmer
die Rettungsschwimmer

ca sĩ

der
Sänger
die Sänger

nhạc sĩ

der
Musiker
die Musiker

diễn viên

der
Schauspieler
die Schauspieler

phóng viên

der
Reporter
die Reporter

huấn luyện viên

der
Trainer
die Trainer

trọng tài

der
Schiedsrichter
die Schiedsrichter

Kinh doanh

tiền

das
Geld
die Gelder

văn phòng

das
Büro
die Büros

áp lực

der
Stress

bảo hiểm

die
Versicherung
die Versicherungen

nhân viên
công ty

die
Belegschaft
die Belegschaften

bộ phận

die
Abteilung
die Abteilungen

lương

das
Gehalt
die Gehälter

địa chỉ

die
Adresse
die Adressen

lá thư

der
Brief
die Briefe

số điện thoại

die
Telefonnummer
die Telefonnummern

url

die
URL
die URLs

địa chỉ email

die
E-Mail Adresse
die E-Mail Adressen

trang mạng

die
Webseite
die Webseiten

thư điện tử

die
E-Mail
die E-Mails

chữ ký

die
Unterschrift
die Unterschriften

thua lỗ

der
Verlust
die Verluste

lợi nhuận

der
Gewinn
die Gewinne

khách hàng

der
Kunde
die Kunden

số tiền

der
Betrag
die Beträge

thẻ tín dụng

die
Kreditkarte
die Kreditkarten

mật khẩu

das
Passwort
die Passwörter

máy rút tiền

der
Bankomat
die Bankomaten

thuế

die
Steuer
die Steuern

phòng họp

der
Konferenzraum
die Konferenzräume

danh thiếp

die
Visitenkarte
die Visitenkarten

công nghệ thông tin

IT

nhân sự

die
Personalabteilung
die Personalabteilungen

bộ phận pháp lý

die
Rechtsabteilung
die Rechtsabteilungen

kế toán

die
Buchhaltung

tiếp thị

das
Marketing

bán hàng

der
Verkauf

đồng nghiệp

der
Kollege
die Kollegen

người sử dụng lao động

der
Arbeitgeber
die Arbeitgeber

nhân viên
người

der
Angestellte
die Angestellten

chú thích

die
Notiz
die Notizen

thuyết trình

die
Präsentation
die Präsentationen

bìa cứng

der
Ordner
die Ordner

con dấu cao su

der
Stempel
die Stempel

máy chiếu

der
Beamer
die Beamer

bưu kiện

das
Paket
die Pakete

con tem

die
Briefmarke
die Briefmarken

phong bì

der
Briefumschlag
die Briefumschläge

trình duyệt

der
Browser
die Browser

đầu tư

die
Investition
die Investitionen

sàn giao dịch chứng khoán

die
Börse
die Börsen

tiền giấy

der
Geldschein
die Geldscheine

tiền xu

die
Münze
die Münzen

tiền lãi

der
Zins
die Zinsen

khoản vay

der
Kredit
die Kredite

số tài khoản

die
Kontonummer
die Kontonummern

tài khoản ngân hàng

das
Konto
die Konten

Thiết bị

điện thoại

das
Telefon
die Telefone

bộ tivi

der
Fernseher
die Fernseher

máy ảnh

der
Fotoapparat
die Fotoapparate

đài radio

der
Radio
die Radios

quạt

der
Ventilator
die Ventilatoren

máy điều hòa

die
Klimaanlage
die Klimaanlage

máy pha cà phê

die
Kaffeemaschine
die Kaffeemaschinen

máy nướng bánh mì

der
Toaster
die Toaster

máy hút bụi

der
Staubsauger
die Staubsauger

máy sấy tóc

der
Föhn
die Föhne

ấm đun nước

der
Wasserkocher
die Wasserkocher

máy rửa chén

der
Geschirrspüler
die Geschirrspüler

bếp điện

der
Herd
die Herde

lò nướng

der
Ofen
die Öfen

lò vi sóng

die
Mikrowelle
die Mikrowellen

tủ lạnh

der
Kühlschrank
die Kühlschränke

máy giặt

die
Waschmaschine
die Waschmaschinen

điều khiển từ xa

die
Fernbedienung
die Fernbedienungen

tai nghe

der
Kopfhörer
die Kopfhörer

chuột

die
Maus
die Mäuse

bàn phím

die
Tastatur
die Tastaturen

ổ cứng

die
Festplatte
die Festplatten

thanh USB

der
USB Stick
die USB Sticks

máy quét

der
Scanner
die Scanner

máy in

der
Drucker
die Drucker

màn hình

der
Bildschirm
die Bildschirme

máy tính xách tay

der
Laptop
die Laptops

rô bốt

der
Roboter
die Roboter

loa

der
Lautsprecher
die Lautsprecher

